

Bản án số: 59/2022/HNGĐ-ST

Ngày 28/12/2022

“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Hữu Tăng.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Hương và ông Lê Văn Nguyên.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Phạm Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà:** ông Trần Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2022/TLST - HNGĐ ngày 07/9/2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tạ Thị H.Y, sinh năm 1990; HKTT: Thôn B.L, xã T.P, huyện A.T, tỉnh Hưng Yên.

Hiện trú tại: Số 91, đường Q.Kh, quận Đ.L, TP Cao Hùng, Đài Loan.

Người được nguyên đơn ủy quyền: Anh Tạ Ngọc V1., sinh năm 1985; Trú tại: Thôn 6, xã H.L, huyện A.T, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H1., sinh năm 1988; trú tại: Thôn B.L, xã T.P, huyện A.T, tỉnh Hưng Yên (Hiện đang lao động tại Nhật Bản).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: cháu Nguyễn Ngọc G.B, sinh ngày 31/3/2012.

Người giám hộ cho cháu G.B là bà Mai Thị A1. (bà nội cháu G.B).

Người làm chứng:

- Bà Mai Thị A1., SN 1966; trú tại: Thôn B.L, xã T.P, huyện A.T, tỉnh Hưng Yên

- Bà Trương Thị S1., SN 1960; trú tại: Thôn 6, xã H.L, huyện A.T, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Tạ Thị H.Y trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H1. kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T.P, huyện A.T, tỉnh Hưng Yên vào ngày 08/02/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tại gia đình nhà bố, mẹ đẻ anh H1. ở xã T.P. Anh chị chung sống hạnh phúc một thời gian thì đến năm 2019 anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do hai anh chị ở khoảng cách xa, anh H1. làm việc tại Nhật Bản còn chị đi lao động tại Đài Loan, vợ chồng bắt đầu quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau, tình cảm vợ chồng phai nhạt dần nên hai anh chị không liên lạc và không quan tâm đến nhau nữa. Vợ chồng anh chị ly thân từ năm 2020 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng với anh H1. không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H1..

Về con chung: Chị H.Y và anh H1. có một con chung là Nguyễn Ngọc G.B, sinh ngày 31/3/2012. Hiện cháu đang ở cùng ông bà nội. Ly hôn chị để anh H1. tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và chị đề nghị mỗi tháng cấp dưỡng cho cháu số tiền là 1.500.000 đồng đến khi cháu G.B đủ 18 tuổi. Hiện nay chị ở Đài Loan thu nhập mỗi tháng của chị là 15.000.000 đồng nên đảm bảo được khoản cấp dưỡng cho cháu.

Về tài sản, nợ, công sức: Chị và anh H1. không có gì, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Nguyễn Ngọc G.B trình bày: Bố cháu là Nguyễn Văn H1. và mẹ cháu là Tạ Thị H.Y. Bố cháu đang ở Nhật Bản, mẹ cháu đang ở Đài Loan. Hiện nay cháu đang học trường tiểu học - trung học cơ sở T.P, huyện A.T, tỉnh Hưng Yên. Bố mẹ cháu mâu thuẫn thế nào cháu không biết. Bố mẹ cháu ly hôn cháu mong muốn được ở cùng bố cháu. Vì lý do đi học nên cháu xin vắng mặt khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Những người làm chứng: Bà Mai Thị A1., mẹ đẻ anh H1. trình bày: Con trai bà là anh Nguyễn Văn H1. có kết hôn với chị Tạ Thị H.Y. Hai cháu có thời gian tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T.P theo quy định của pháp luật. Năm 2018 anh H1. và chị H.Y có đi lao động tại Đài Loan, sau đó thì anh H1. về nước và đi lao động tại Nhật Bản. Năm 2018 anh chị có mâu thuẫn cãi nhau nhắn tin trên điện thoại. Từ đó chị H.Y không quan tâm gì đến con cái, gia đình. Chị H.Y không liên lạc gì với gia đình bà. Chị H.Y có đơn xin ly hôn anh H1. gia đình bà không có ý kiến gì, việc ly hôn là do hai anh chị tự quyết định. Anh H1. và chị H.Y không có tài sản chung, không liên quan đến tài sản của gia đình bà.

Bà đã nhận được thông báo thụ lý vụ án số 54/TB - TLVA ngày 07/9/2022 và công văn số 259/CV - TA ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên gửi cho anh H1.. Anh H1. có gọi điện về nhà và có quan điểm như sau: Anh H1. đồng ý ly hôn với chị H.Y. Về con chung anh tiếp tục nuôi cháu G.B và không có ý kiến gì khác. Anh H1. đồng ý việc chị H.Y cấp dưỡng số tiền

1.500.000đ/tháng cho cháu G.B đến năm 18 tuổi. Về tài sản chung, công nợ chung: Hai anh chị đều không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết

Mọi công văn giấy tờ, văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh, anh sẽ ủy quyền cho mẹ đẻ chị là bà Mai Thị A1. nhận thay anh và bà A1. sẽ có trách nhiệm thông báo lại cho anh. Hiện anh đang ở Nhật Bản lao động nên không thể về Việt Nam được nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Về địa chỉ của anh H1. thì bà không biết địa chỉ cụ thể ở đâu. Bà A1. sẽ nhận thay mọi giấy tờ, văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh H1. và cam đoan sẽ thông tin lại cho anh H1. khi anh H1. gọi điện về. Vì lý do công việc nên bà đề nghị xét xử vắng mặt bà.

Bà Trương Thị S1. mẹ đẻ chị H.Y trình bày: Con gái bà là chị Tạ Thị H.Y có kết hôn với anh Nguyễn Văn H1.. Hai cháu có thời gian tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T.P theo quy định của pháp luật. Hai vợ chồng anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì chị H.Y đi lao động bên Đài Loan, anh H1. đi lao động tại Nhật Bản từ đó mâu thuẫn hai anh chị xảy ra, gia đình hai bên có khuyên nhủ nhưng không được. Chị H.Y có đơn xin ly hôn anh H1. gia đình bà không có ý kiến gì, đó là việc của hai anh chị. Anh H1. và chị H.Y không có tài sản chung, không liên quan đến tài sản của gia đình bà.

Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công An cung cấp: Trường hợp Nguyễn Văn H1., đã sử dụng hộ chiếu số C8598399 để xuất cảnh ngày 18/01/202, qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng đều vắng mặt.

Chủ tọa thay mặt Hội đồng xét xử công bố tóm tắt nội dung vụ án, lời khai của đương sự, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng cũng như các tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ, Tòa án đã thực hiện việc thông báo và tổng đạt văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn có đơn xin xử vắng mặt nên đề nghị Tòa án xét xử theo thủ tục chung.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Tạ Thị H.Y. Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 228 và Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuyên xử, cho chị Tạ Thị H.Y được ly hôn anh Nguyễn Văn H1.; giao anh H1. tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cháu Nguyễn Ngọc G.B; chấp nhận sự tự nguyện của chị H.Y cấp dưỡng cho cháu Gia Bảo mỗi tháng 1.500.000đ/tháng. Không giải quyết về tài sản, vay nợ cùng các vấn đề khác. Chị H.Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị Tạ Thị H.Y có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn H1. có hộ khẩu thường trú tại Thôn B.L, xã T.P, huyện A.T, tỉnh Hưng Yên hiện đang cư trú tại Nhật Bản. Theo quy định tại Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Nguyên đơn chị Tạ Thị H.Y và bị đơn anh Nguyễn Văn H1. đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Các nhân chứng và người liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228, Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người liên quan và những người làm chứng.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Tạ Thị H.Y và anh Nguyễn Văn H1. là hợp pháp. Tuy nhiên quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai, cuộc sống của ai chỉ biết bổn phận của người đó, cả anh H1. và chị H.Y đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H.Y xin ly hôn, anh H1. đồng ý. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H1. với chị H.Y đã trở lên trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, cần xử cho chị H.Y được ly hôn anh H1. là phù hợp với Điều 51 và 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị H.Y và anh H1. có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc G.B, sinh ngày 31/3/2012. Hiện cháu đang ở cùng ông bà nội. Ly hôn chị H.Y để anh H1. tiếp tục được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, được anh H1. đồng ý, mặt khác cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu G.B. Do đó ly hôn giao cháu G.B cho anh H1. được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến năm cháu G.B đủ 18 tuổi. Chị H.Y có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Do anh H1. hiện đang ở nước ngoài chưa thể về Việt Nam nên chấp nhận sự tự nguyện của bà Mai Thị A1. thay mặt anh H1. chăm sóc cháu Gia Bảo trong khoảng thời gian chờ anh H1. về nước đón cháu.

Về mức cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Tạ Thị H.Y tự nguyện cấp dưỡng cho anh H1. để nuôi cháu G.B mỗi tháng 1.500.000đ đến năm cháu G.B đủ 18 tuổi, được anh H1. chấp nhận nên chấp nhận sự tự nguyện của chị H.Y. Thời gian chị H.Y cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 28/12/2023 đến năm cháu G.B đủ 18 tuổi.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Tạ Thị H.Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên có căn cứ pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 229; Điều 238; Điều 273, Điều 479; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tạ Thị H.Y.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị H.Y được ly hôn anh Nguyễn Văn H1..

[2]. Về con chung: Giao cháu cháu Nguyễn Ngọc G.B, sinh ngày 31/3/2012 cho anh H1. trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi.

Buộc chị Tạ Thị H.Y phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Nguyễn Ngọc G.B là 1.500.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm 28/12/2022 cho đến khi cháu Gia Bảo đủ 18 tuổi. Chị H.Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày anh H1. có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị H.Y không thi hành khoản tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Chấp nhận sự tự nguyện của bà Mai Thị A1. thay mặt anh H1. chăm sóc cháu Gia Bảo trong thời gian chờ anh H1. về nước.

[3]. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Tạ Thị H.Y phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng. Đối trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Biên lai thu số 0000134 ngày 07/9/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, chị H.Y còn phải nộp 300.000đ tiền án phí.

[5]. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,

7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị Tạ Thị H.Y và anh Nguyễn Văn H1. được được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã T.P;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- Lưu: VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Hữu Tăng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Nguyên

Đinh Thị Hương

Hoàng Hữu Tăng

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã T.P;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- Lưu: VT, hồ sơ.

Hoàng Hữu Tăng